

PL2. Thông tin về cơ sở vật chất dùng chung
(Kèm theo Báo cáo số Số: 94/BC-ĐHCNQN ngày 25/6/2026 của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

A. Công khai thông tin về diện tích đất, địa chỉ

TT	Mã giấy chứng nhận quyền sở hữu	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng	Diện tích quy đổi (m ²)	Tình trạng sử dụng	Địa chỉ
1	BA294551	190377.7	Sở hữu	190377.7	Đang sử dụng	Khu Cát Thành, Phường Minh Thành, Quảng Yên, Quảng Ninh
2	CY973959	75299.5	Sở hữu	75229.5	Đang sử dụng	Thọ Sơn, Yên Thọ, Đông Triều, Quảng Ninh
3	D8884738	27629.75	Sở hữu	27629.8	Đang sử dụng	Khu Yên Hoà, Phường Yên Thọ, thành Phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
	TỔNG SỐ (S)	293307				

B. Công trình phục vụ đào tạo

TT	CÔNG TRÌNH	Ký hiệu	Tổng diện tích sàn xây dựng	Hệ số diện tích sử dụng cho đào tạo (Ksd)	Diện tích sàn sử dụng cho đào tạo (m ²)	Địa chỉ
1	Nhà 5 tầng cơ sở Minh Thành	[DDM] - MT- 5T	4400.0	0.7	3080	Phường Đông Mai, tỉnh Quảng Ninh
2	Khu dịch vụ cơ sở Minh Thành	[DDM] - MT-DV	68.5	0.7	47.9	Phường Đông Mai, tỉnh Quảng Ninh
3	Nhà KTX 2 dãy cơ sở Minh Thành	[DDM] - MT-KTX2day	575.0	0.7	402.5	Phường Đông Mai, tỉnh Quảng Ninh
4	Ký túc xá 4 dãy	[DDM] - MT-KTX4 day	2250.0	0.7	1575	Phường Đông Mai tỉnh Quảng Ninh
5	Nhà ăn HSSV cơ sở Minh Thành	[DDM] - MT-Nhà ăn	280.0	0.7	196	Phường Đông Mai, tỉnh Quảng Ninh
6	Nhà bảo vệ cơ sở Minh Thành	[DDM] - MT-Nhà bảo vệ	16.0	0.7	11.2	Phường Đông Mai, tỉnh Quảng Ninh
7	Nhà xe cơ sở Minh Thành	[DDM] - MT-Nhà	168.0	0.7	117.6	Phường Đông Mai, tỉnh

TT	CÔNG TRÌNH	Ký hiệu	Tổng diện tích sàn xây dựng	Hệ số diện tích sử dụng cho đào tạo (Ksd)	Diện tích sàn sử dụng cho đào tạo (m2)	Địa chỉ
		Xe				Quảng Ninh
8	Nhà 6 tầng cơ sở Minh Thành	[DDM] - MT-6T	8400.0	0.7	5880	Phường Đông Mai, tỉnh Quảng Ninh
9	Xưởng thực hành ô tô khu 2 cơ sở I	[DDM] - YT - XÔTÔ 2	800.0	0.7	560	Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh
10	Nhà A2 - Cơ sở Yên Thọ	[DDM] - YT- A2	2967.0	0.7	2076.9	Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh
11	Lò giả	[DDM] - YT- Khu thức hành khoa Mở	119.0	0.7	83.3	Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh
12	Nhà bảo vệ cơ sở Yên Thọ	[DDM] - YT- Nhà bảo vệ	33.6	0.7	23.5	Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh
13	Nhà để xe số 4 cơ sở Yên Thọ	[DDM] - YT- Nhà xe 4	388.6	0.7	272	Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh
14	Xưởng thực hành cơ khí ô tô	[DDM] - YT- XOTO	874.0	0.7	611.8	Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh
15	Nhà A1- Cơ sở Yên Thọ	[DDM] - YT-A1	3040.0	0.7	2128	Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh
16	Nhà B - Cơ sở Yên Thọ	[DDM] - YT-B	3040.0	0.7	2128	Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh
17	Khu lớp học BT	[DDM] - YT-BT1	162.0	0.7	113.4	Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh
18	Khu lớp học BT2	[DDM] - YT-BT2	350.0	0.7	245	Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh
19	Khu lớp học BT3	[DDM] - YT-BT3	176.0	0.7	123.2	Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh
20	Nhà để xe BT	[DDM] - YT-BT4	85.0	0.7	59.5	Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh
21	Khu lớp học BT5	[DDM] - YT-BT5	164.0	0.7	114.8	Phường Mạo Khê, tỉnh

TT	CÔNG TRÌNH	Ký hiệu	Tổng diện tích sàn xây dựng	Hệ số diện tích sử dụng cho đào tạo (Ksd)	Diện tích sàn sử dụng cho đào tạo (m2)	Địa chỉ
						Quảng Ninh
22	Nhà C - Cơ sở Yên Thọ	[DDM] - YT-C	3040.0	0.7	2128	Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh
23	Giảng đường D1	[DDM] - YT-D1	3710.0	0.7	2597	Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh
24	Giảng đường D2 - Cơ sở Yên Thọ	[DDM] - YT-D2	4549.0	0.7	3184.3	Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh
25	Nhà E- Cơ sở Yên Thọ	[DDM] - YT-E	2281.0	0.7	1596.7	Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh
26	Nhà F - Cơ sở Yên Thọ (Thư viện)	[DDM] - YT-F	2313.0	0.7	1619.1	Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh
27	Nhà G - Cơ sở Yên Thọ (Nhà khách)	[DDM] - YT-G	1800.0	0.7	1260	Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh
28	Nhà H - cơ sở Yên Thọ - xưởng thực hành CKCĐ	[DDM] - YT-H	1713.9	0.7	1199.7	Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh
29	Phòng TH Cắt gọt kim loại	[DDM] - YT-H1	212.0	0.7	148.4	Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh
30	Nhà I - Cơ sở Yên Thọ (Trung tâm KTĐ - TĐH)	[DDM] - YT-I	929.0	0.7	650.3	Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh
31	Nhà Rèn luyện thể chất	[DDM] - YT-K	735.0	0.7	514.5	Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh
32	Nhà để xe số 1 cơ sở Yên Thọ	[DDM] - YT-Nhà xe 1	242.0	0.7	169.4	Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh
33	Nhà để xe số 2 cơ sở Yên Thọ	[DDM] - YT-Nhà xe 2	170.0	0.7	119	Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh
34	Nhà để xe số 3 cơ sở Yên Thọ	[DDM] - YT-Nhà xe 3	322.0	0.7	225.4	Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh
35	Trạm bơm nhà	[DDM] -	16.0	0.7	11.2	Phường Mạo

TT	CÔNG TRÌNH	Ký hiệu	Tổng diện tích sàn xây dựng	Hệ số diện tích sử dụng cho đào tạo (Ksd)	Diện tích sàn sử dụng cho đào tạo (m2)	Địa chỉ
	A2 cơ sở Yên Thọ	YT-Trạm bơm A2				Khê, tỉnh Quảng Ninh
36	Trạm bơm cấp nước cơ sở Yên Thọ	[DDM] - YT-Trạm bơm 1	98.0	0.7	68.6	Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh
	TỔNG SỐ		50487.6		35341.2	

C. Giáo trình, sách chuyên khảo

TT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	02
2	Số lượng chỗ ngồi đọc	202
3	- Sách đầu sách có bản in - Sách đầu sách điện tử - Số bản sách mượn trực tiếp	405 400 2200
4	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	4

D. Hạ tầng công nghệ thông tin

TT	CHỈ SỐ THỐNG KÊ	Giá trị	Ghi chú
1	Tốc độ hoặc băng thông đường truyền Internet (Mbps)	506	
2	Tổng số học phần giảng dạy trong năm học	396	
3	Tổng số học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến > 50%	63	